

Cấu trúc 都.....了

- (1) 都八点了，快点儿起床吧。
Dōu bā diǎn le, kuài diǎnr qǐchuáng ba.
- (2) 你都十岁了，可以自己洗衣服了。
Nǐ dōu shí suì le, kěyǐ zìjǐ xǐ yīfu le
- (3) 你都喝了三瓶啤酒了，不要再喝了。
Nǐ dōu hē le sān píng píjiǔ le, bú yào zài hē le.

